



BỆNH VIỆN MẮT SÀI GÒN BÌNH THUẬN

L68 Tôn Đức Thắng, P. Hàm Thắng, T. Lâm Đồng



BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

Tên Dịch Vụ		Giá Dịch Vụ	STT	Tên Dịch Vụ	Giá Dịch Vụ
CÔNG KHÁM - NGÀY GIƯỜNG					
1	Khám Mắt	110.000	4	Khám theo yêu cầu	300.000
2	Giường Ngoại khoa loại 2 - Khoa Mắt	500.000	5	Giường Ngoại khoa loại 3 - Khoa Mắt	450.000
3	Giường Nội khoa loại 2 - Khoa Mắt	400.000	6	Giường Ngoại khoa loại 4 - Khoa Mắt	400.000
CẬN LÂM SÀNG					
1	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu	500.000	26	Siêu âm mắt	200.000
2	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu	500.000	27	Siêu âm bán phần trước	500.000
3	Chụp đáy mắt không huỳnh quang	500.000	28	Siêu âm + đo trực nhãn cầu	200.000
4	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	120.000	29	Đo thị giác tương phản	150.000
5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (Activated Partial Thromboplastin Time) (TCK) bằng máy bán tự động	100.000	30	Test thử cảm giác giác mạc	100.000
6	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	120.000	31	Test phát hiện khô mắt	100.000
7	Co cục máu đông (tên khác: Co cục máu)	45.000	32	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	200.000
8	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	100.000	33	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm	100.000
9	Định lượng Acid Uric [Máu]	50.000	34	Đo thị trường chu biên	100.000
10	Định lượng Albumin [Máu]	50.000	35	Đo nhãn áp	50.000
11	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]	50.000	36	Đo sắc giác	100.000
12	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	50.000	37	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	100.000
13	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	50.000	38	Đo khúc xạ máy	100.000
14	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	50.000	39	Đo khúc xạ giác mạc	100.000
15	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	50.000	40	Đo độ lác	150.000
16	Định lượng Creatinin (máu)	50.000	41	Xác định sơ đồ song thị	150.000
17	Định lượng Glucose [Máu]	50.000	42	Đo biên độ điều tiết	150.000
18	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	50.000	43	Đo thị giác 2 mắt	150.000
19	Virus test nhanh	300.000	44	Đo độ sâu tiền phòng	350.000
20	HBsAg test nhanh	120.000	45	Đo độ dày giác mạc	250.000
21	HCV Ab test nhanh	120.000	46	Đo đường kính giác mạc	150.000
22	HIV Ab test nhanh	120.000	47	Đếm tế bào nội mô giác mạc	200.000
23	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	50.000	48	Chụp bản đồ giác mạc	500.000
24	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	100.000	49	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm	150.000
25	Điện tim thường	100.000	50	Đo độ lồi	150.000



BỆNH VIỆN MẮT SÀI GÒN BÌNH THUẬN

168 Tôn Đức Thắng, P. Hàm Thắng, T. Lâm Đồng

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

Tên Dịch Vụ		Giá Dịch Vụ	STT	Tên Dịch Vụ	Giá Dịch Vụ
THỦ THUẬT					
1	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	100.000	22	Lấy dị vật kết mạc	150.000
2	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	340.000	23	Lấy calci kết mạc	200.000
3	Đặt nội khí quản	1.000.000	24	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	100.000
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	1.000.000	25	Cắt chỉ khâu kết mạc	150.000
5	Điều trị glôcôm bằng laser mổ mắt chu biên	1.000.000	26	Đốt lông siêu, nhổ lông siêu	100.000
6	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mổ mắt (Iridoplasty)	1.000.000	27	Bơm rửa lệ đạo	100.000
7	Mở bao sau đục bằng laser	1.000.000	28	Trích chớp, lệ, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	250.000
8	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	100.000	29	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	150.000
9	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	100.000	30	Rửa cùng đồ	100.000
10	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi	100.000	31	Cấp cứu bong mắt ban đầu	600.000
11	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm	1.000.000	32	Bóc sợi giác mạc	300.000
12	Tiêm nội nhãn	1.000.000	33	Bóc giả mạc	250.000
13	Tiêm nhu mô giác mạc	100.000	34	Rạch áp xe mi	500.000
14	Tập nhược thị	100.000	35	Rạch áp xe túi lệ	500.000
15	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây mê]	3.000.000	36	Soi đáy mắt trực tiếp	100.000
16	Cắt bỏ chớp có bọc	1.000.000	37	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	200.000
17	Cắt chỉ khâu giác mạc	200.000	38	Soi đáy mắt bằng Schepens	200.000
18	Tiêm dưới kết mạc	100.000	39	Soi góc tiền phòng	200.000
19	Tiêm cạnh nhãn cầu	200.000	40	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	250.000
20	Tiêm hậu nhãn cầu	200.000	41	Bơm thông lệ đạo [1 mắt]	200.000
21	Bơm thông lệ đạo	300.000	42	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây tê]	500.000
			43	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây tê]	200.000



BỆNH VIỆN MẮT SÀI GÒN BÌNH THUẬN

108 Tôn Đức Thắng, P. Hàm Thắng, T. Lâm Đồng



BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

STT	Tên Dịch Vụ	Giá Dịch Vụ	STT	Tên Dịch Vụ	Giá Dịch Vụ
PHẪU THUẬT					
1	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (phaco) có hoặc không đặt IOL	6.000.000	21	Cắt u da mi không ghép	1.500.000
2	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi	11.000.000	22	Cắt u mi cả bề dày không ghép	2.000.000
3	Phẫu thuật tạo vạt da lân cận cho vết thương khuyết da mi	11.000.000	23	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	3.000.000
4	Phẫu thuật tái tạo cho vết thương góc mắt	6.500.000	24	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	2.500.000
5	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết toàn bộ mi trên	7.500.000	25	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	3.000.000
6	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết toàn bộ mi dưới	8.000.000	26	Tạo hình đường lệ có hoặc không điểm lệ	3.000.000
7	Phẫu thuật rút ngắn, gấp cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	5.000.000	27	Phẫu thuật lác thông thường [1 mắt]	3.000.000
8	Phẫu thuật treo mi lên cơ trán điều trị sụp mi	4.000.000	28	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ [1 mắt]	3.000.000
9	Phẫu thuật hạ mi trên	4.000.000	29	Chỉnh chỉ sau mổ lác	1.500.000
10	Phẫu thuật hẹp khe mi [thẩm mỹ]	3.000.000	30	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	5.000.000
11	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	6.500.000	31	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	5.000.000
12	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	4.000.000	32	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)	4.000.000
13	Đóng lỗ rò đường lệ [gây mê]	3.000.000	33	Lùi cơ nâng mi	2.500.000
14	Khâu củng mạc [phức tạp]	3.000.000	34	Vá da tạo hình mi	4.500.000
15	Khâu giác mạc [phức tạp]	3.000.000	35	Phẫu thuật tạo hình nếp mi [1 mắt]	3.000.000
16	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ [2 mắt]	5.000.000	36	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi [1 mắt]	3.000.000
17	Phẫu thuật lác thông thường [2 mắt]	5.000.000	37	Kéo dài cân cơ nâng mi	3.000.000
18	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	3.000.000	38	Ghép da hay vạt da điều trị hở mi do sẹo	6.500.000
19	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa [gây tê]	3.000.000	39	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	3.000.000
20	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	3.000.000	40	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	3.000.000



**BỆNH VIỆN MẮT SÀI GÒN BÌNH THUẬN**

L68 Tôn Đức Thắng, P. Hàm Thắng, T. Lâm Đồng

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

STT	Tên Dịch Vụ	Giá Dịch Vụ	STT	Tên Dịch Vụ	Giá Dịch Vụ
PHẪU THUẬT					
41	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học [gây tê]	3.000.000	66	Phẫu thuật mở rộng khe mi	1.500.000
42	Phẫu thuật quặm [1 mi - gây tê]	2.000.000	67	Phẫu thuật hẹp khe mi	1.500.000
43	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây mê]	4.000.000	68	Phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng	1.500.000
44	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây tê]	3.000.000	69	Phẫu thuật cắt mống mắt chu biên	2.500.000
45	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây tê]	4.000.000	70	Tạo hình mống mắt (khâu mống mắt, chân mống mắt...)	4.000.000
46	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây mê]	6.000.000	71	Cắt bè sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất antiVEGF	5.000.000
47	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	4.000.000	72	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	5.000.000
48	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây mê]	6.000.000	73	Mở góc tiền phòng	3.000.000
49	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây tê]	5.000.000	74	Mở bè có hoặc không cắt bè	3.000.000
50	Phẫu thuật quặm tái phát [1 mi - gây tê]	2.000.000	75	Đặt ống silicon tiền phòng điều trị glôcôm	5.000.000
51	Phẫu thuật quặm tái phát [2 mi - gây mê]	4.000.000	76	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm	5.000.000
52	Phẫu thuật quặm tái phát [2 mi - gây tê]	3.000.000	77	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	5.000.000
53	Phẫu thuật quặm tái phát [3 mi - gây tê]	4.000.000	78	Rút van dẫn lưu, ống silicon tiền phòng	1.500.000
54	Phẫu thuật quặm tái phát [3 mi - gây mê]	6.000.000	79	Sửa vá sẹo bong bằng kết mạc, màng ối, củng mạc	3.000.000
55	Phẫu thuật quặm tái phát [4 mi - gây mê]	6.000.000	80	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	2.500.000
56	Phẫu thuật quặm tái phát [4 mi - gây tê]	5.000.000	81	Rửa chất nhân tiền phòng	2.500.000
57	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mi [2 mắt]	5.000.000	82	Cắt bỏ túi lệ	2.500.000
58	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	4.000.000	83	Phẫu thuật mộng đơn thuần	2.000.000
59	Phẫu thuật tạo hình nếp mi [2 mắt]	5.000.000	84	Khâu cò mi, tháo cò	1.500.000
60	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	6.000.000	85	Trích dẫn lưu túi lệ	500.000
61	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	3.000.000	86	Khâu da mi đơn giản	1.500.000
62	Mở bao sau bằng phẫu thuật	3.000.000	87	Khâu phục hồi bờ mi	3.000.000
63	Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	3.000.000	88	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	3.000.000
64	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ	1.500.000	89	Khâu phủ kết mạc	2.000.000
65	Phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản - ống lệ mũi	2.000.000	90	Khâu giác mạc	2.000.000

251542
CÔNG TY
HÀM
BỆNH VIỆN MẮT
SÀI GÒN
BÌNH THUẬN
M. Đ. Đ. Đ.



BỆNH VIỆN MẮT SÀI GÒN BÌNH THUẬN

L68 Tôn Đức Thắng, P. Hàm Thắng, T. Lâm Đồng

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

STT	Tên Dịch Vụ	Giá Dịch Vụ	STT	Tên Dịch Vụ	Giá Dịch Vụ
PHẪU THUẬT					
91	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa [gây mê]	3.000.000	103	Khâu củng mạc	3.000.000
92	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học [gây mê]	3.000.000	104	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	3.000.000
93	Phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	3.000.000	105	Khâu lại mép mỡ giác mạc, củng mạc	2.000.000
94	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	3.000.000	106	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	5.000.000
95	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối	3.500.000	107	Bơm hơi /khí tiền phòng	2.300.000
96	Lấy dị vật trong củng mạc	2.200.000	108	Phẫu thuật quặm [1 mi - gây mê]	4.000.000
97	Lấy dị vật tiền phòng	2.500.000	109	Phẫu thuật quặm tái phát [1 mi - gây mê]	4.000.000
98	Cắt mổ mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp	3.500.000	110	Khâu kết mạc	3.000.000
99	Vá da, niêm mạc tạo củng đồ có hoặc không tách dính mi cầu	3.500.000	111	Phẫu thuật phục hồi trĩ mi dưới	4.000.000
100	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	3.000.000	112	Phẫu thuật tạo củng đồ để lắp mắt giả	4.000.000
101	Sinh thiết tổ chức mi	200.000	113	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	4.000.000
102	Sinh thiết tổ chức kết mạc	200.000	114	Khâu phục hồi bờ mi [thẩm mỹ]	4.000.000